

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 6

Thời gian: 90 phút

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng %điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.	1 TN1 0,25đ		1 TN2 0,25đ	1 TL1 1,0đ			15%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	1 TN3 0,25đ						2,5%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung.	2 TN4,5 0,5đ						5%
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên.	1 TN6 0,25đ	2 TL2 a,b 1,5đ		3 TL3 a,b,c 1,5đ			32,5%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên.	1 TN7 0,25đ					3 TL4 a,b, (c VDC) 2,0đ	22,5%
	Các hình phẳng trong	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	2 TN8,9 0,5đ						5%

3	thực tiễn	Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.			1 TN10 0,25đ			2 TL5a,b 1,0đ	12,5%
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng	2 TN11,12 0,5đ						5%
Tổng: Số câu Điểm			10 2,5đ	2 1,5đ	2 0,5đ	4 2,5đ		5 3,0đ	23 10đ
Tỉ lệ %			40%		30%		30%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%		100%

TỔ TRƯỞNG

NGƯỜI RA ĐỀ

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 6

Thời gian: 90 phút

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
SỐ VÀ ĐẠI SỐ						
1	Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Nhận biết: - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1TN (Câu 1)		
			Thông hiểu: - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.		1TL Bài 1	
			- Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		1TN (Câu 2)	
		<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	Nhận biết: - Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	1TN (Câu 3)		
		<i>Tính chia hết trong tập hợp</i>	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.			

2	Số nguyên	<i>các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1TN (Câu 4)		
			- Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.			
			- Nhận biết được phân số tối giản.	1TN (Câu 5)		
		<i>Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.	1TN (Câu 6)		
			- Nhận biết được số đối của một số nguyên.	1TL (Bài 2a)		
			- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.			
			- Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	1TL (Bài 2b)		
			Thông hiểu: - Biểu diễn được số nguyên trên trục số.		2TL (Bài 3a,b)	
			- So sánh được hai số nguyên cho trước.		1TL (Bài 3c)	
		<i>Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên</i>	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	1 TN (Câu 7)		
			Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.			1TL (Bài 4a)
			- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			1TL (Bài 4b)

			- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).			
			Vận dụng cao: - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.			1TL (Bài 4c)
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	2TN (Câu 8,9)		
			Thông hiểu: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).			
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Thông hiểu: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.		1TN (Câu10)	
			Vận dụng: - Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.			
			- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).			1TL (Bài 5a,b)
4			Nhận biết:	1TN		

	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	<i>Hình có trục đối xứng</i>	- Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. - Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	(Câu 11) 1TN (Câu 12)		
Tổng: số câu Điểm				12 4,0đ	6 3,0đ	5 3,0đ
Tỉ lệ %				40%	30%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

TỔ TRƯỞNG

NGƯỜI RA ĐỀ

HIỆU TRƯỞNG

Họ và tên:	SBD	Giám thị 1	Giám thị 2
Lớp: 6/			
<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét:</u>		

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu trả lời sau và ghi vào giấy làm bài. Ví dụ: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi “Câu 1: A”.

Câu 1. Số phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} / 4 < x < 9\}$ là:

- A. 6 **B. 4** C. 9 D. 5

Câu 2. Số 24 bằng số La Mã là

- A. XXIII. B. XXIX. **C. XXIV.** D. XIV.

Câu 3. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc là

- A. $[\] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$. **B. $() \rightarrow [\] \rightarrow \{ \}$.**
C. $\{ \} \rightarrow [\] \rightarrow ()$. **D. $[\] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$.**

Câu 4. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 8. B. 9. C. 10. **D. 11.**

Câu 5. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{4}{11}$.** B. $\frac{14}{20}$. C. $\frac{5}{15}$. D. $\frac{12}{8}$.

Câu 6. Tập hợp nào dưới đây gồm các số nguyên âm?

- A. $\{-3;-2;0\}$. B. $\{-9;5;-2;-1\}$. **C. $\{-1;-3;-9\}$.** D. $\{1;4;8\}$.

Câu 7. Trong tập số nguyên $\mathbb{Z}$ tập hợp các ước của -13 là

- A. $\{-1;1\}$. B. $\{13;1\}$. C. $\{-13;13\}$. **D. $\{-1;1;-13;13\}$.**

Câu 8. Chọn hình ảnh xuất hiện tam giác đều:



(1)

(2)

(3)

(4)

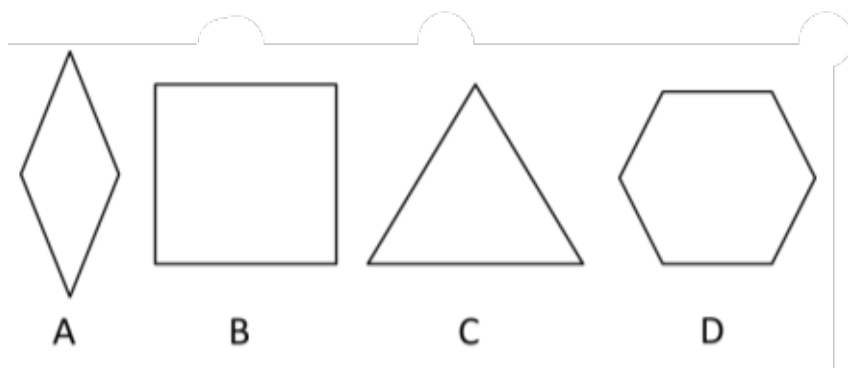
A. Hình (1).

B. Hình (2).

C. Hình (3).

D. Hình (4).

Câu 9. Quan sát các hình dưới đây và cho biết hình nào là hình vuông, hình nào là hình tam giác đều, hình nào là hình lục giác đều?



- A.** Hình vuông là B), tam giác đều là C), lục giác đều là D).
B. Hình vuông là B), tam giác đều là D), lục giác đều là C).
C. Hình vuông là C), tam giác đều là B), lục giác đều là D).
D. Hình vuông là A), tam giác đều là B), lục giác đều là C).

Câu 10. Tính chất nào sau đây **KHÔNG** là tính chất hình thoi?

A. 4 cạnh bằng nhau.

B. Hai đường chéo vuông góc.

C. 4 góc bằng nhau.

D. Các cạnh đối song song.

Câu 11. Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 12. Các hình có trục đối xứng là



A

B

C

D

A. Hình A, C.

B. Hình B, D.

C. Hình A, C, D.

D. Hình C, D.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) Viết tập hợp các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó tổng của hai chữ số đó bằng 4.

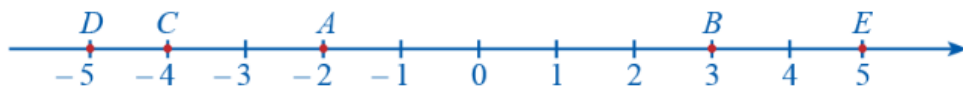
Bài 2. (1,5 điểm)

a) Tìm số đối của số 18 và -40.

b) Hãy dùng số nguyên để thể hiện ý nghĩa của mỗi câu sau:

- Năm 2012, núi lửa Havre (Bắc New Zealand) phun ra cột tro từ độ sâu 700 m dưới mực nước biển.
- Do dịch bệnh, một công ty trong một tháng đã bị lỗ 2 triệu đồng.
- Độ sâu trung bình của vịnh Thái Lan khoảng 45m dưới mực nước biển

Bài 3. (1,5 điểm) Quan sát trục số sau đây và trả lời các câu hỏi:



a) Các điểm B, C lần lượt biểu diễn số nào?

b) Điểm nào biểu diễn số -5?

c) So sánh hai số -4 và -1?

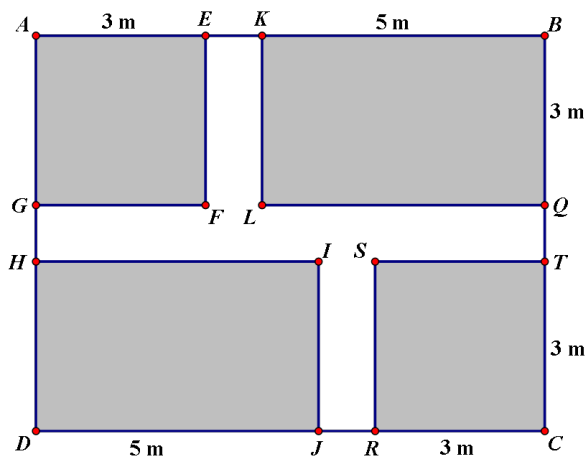
Bài 4. (2,0 điểm)

- a) Thực hiện phép tính: $20.(-3) + (-40)$.
- b) Tính (hợp lí nếu có thể): $22.109 - 22.9$.
- c) Một bài kiểm tra có 50 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, mỗi câu trả lời sai được -3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được.

Bài 5. (1,0 điểm)

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 7 m. Người ta chia mảnh vườn thành bốn khu gồm hai khu hình vuông cạnh 3 m, hai khu hình chữ nhật có chiều dài 5 m, chiều rộng 3 m và chừa lại phần lối đi (màu trắng).

- a) Tính diện tích phần lối đi.
- b) Người ta muốn lát gạch toàn bộ lối đi bằng những viên gạch hình vuông có cạnh bằng 50 cm. Tính số gạch cần dùng.



-----*Hết*-----

Lưu ý: - HS không được sử dụng máy tính

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

NGƯỜI RA ĐỀ

HIỆU TRƯỞNG

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: TOÁN - LỚP: 6. NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Phần trắc nghiệm: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	B	D	A	C	D	A	A	C	D	C

II. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải vắn tắt	Điểm
1 (1,0 điểm)	Gọi A là tập hợp các số cần tìm, ta viết tập hợp như sau: $A = \{13; 22; 31; 40\}$	1,0
2 (1,5 điểm)	a) - Số đối của số 18 là -18;	0,3
	- Số đối của -40 là 40.	0,3
	b) - Năm 2012, núi lửa Havre (Bắc New Zealand) phun ra cột tro từ độ sâu -700 m	0,3
	- Do dịch bệnh, một công ty trong một tháng thu được -2 triệu đồng.	0,3
3 (1,5 điểm)	- Độ sâu trung bình của vịnh Thái Lan khoảng -45m	0,3
	a) Điểm B biểu diễn số 3; Điểm C biểu diễn số -4.	0,5
	b) Điểm D biểu diễn số -5	0,5
4 (2,0 điểm)	c) $-4 < -1$	0,5
	a) $20.(-3) + (-40) = -60 + (-40)$ $= -100$	0,25 0,25
	b) $22.109 - 22.9 = 22.(109 - 9)$ $= 22.100 = 2200$	0,25 0,25
4 (2,0 điểm)	c) Khi trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được thì số điểm của học sinh đó là: $35 \cdot (+5) + 10 \cdot (-3) + 5 \cdot 0$	0,25

	$= 175 + (-30) + 0$ $= 175 - 30 = 145$ Vậy học sinh đó được 145 điểm.	0,25 0,25 0,25
5 (1,0 điểm)	a) Diện tích phần lối đi được tính bằng diện tích cả mảnh vườn trừ đi tổng diện tích bốn khu (hai khu hình vuông có diện tích bằng nhau, hai khu hình chữ nhật có diện tích bằng nhau). Diện tích phần lối đi là: $7.9 - 2.3^2 - 2.3.5 = 15(m^2)$	0,5
	b) Đổi $15(m^2) = 150\,000(cm^2)$	0,25
	Số viên gạch cần dùng là: $150\,000 : (50.50) = 60$ (viên)	0,25

Lưu ý: 1) Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.
 2) Cách tính điểm toàn bài = điểm TN + điểm TL (làm tròn một chữ số thập phân)

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

NGƯỜI RA ĐỀ